

◆221系空調機器メーカー差異一覧表【奈良車・網干車】 ←天王寺(外回り先頭)／京都、加茂、五条→

中間MT車番	8両	車番	MC	M	T	M'	T'	M'	T'	TC	直近検査(元号とする)
25/27	NB801	41	M	TS	TS	TS	TS	M	M	TS	R6-1ST
37/38	NB803	47	M	M	M	TS	M	TS	TS	TS	R2-12ST/R6-6見込(4/19入注)
31/32	NB804	48	TS	M	M	M	M	M	TS	TS	R4-11ST
13/14	NB805	33	M	TS	TS	TS	TS	M	TS	TS	R3-7ST
42/43	NB806	51	M	TS	TS	TS	TS	TS	TS	TS	R5-6ST
45/46	NB807	55	M	M/TS	M	TS	M	TS	TS	M	R4-3ST
54/55	NB808	63	TS	M	M	M	M	M	M	M	R5-3ST
60/61	NB809	69	M	M	M	M	M	M	M	M	R3-4ST 次回検査注意

中間MT車番	6両	車番	MC	M	T	M'	T'	TC	幌	SIV換装	直近検査(元号とする)
1	NC601	1	TS	TS	TS	TS	TS	TS	なし	なし	R4-6ST
3	NC602	3	TS/M	M	M	M	M/TS	M	なし	なし	R5-4ST
36	NC603	10	TS/M	M	TS	M	M	M	なし	なし	R4-4ST
24	NC604	24	M	M	TS	M	M	TS	なし	なし	R5-2ST お茶ラッピング
10	NC605	28	TS	TS	TS	TS	TS	M	なし	なし	R6-2ST
21	NC606	36	M	M	M	M	M	M	なし	なし	R5-8ST
17	NC607	37	TS	M	M	TS	M	M	なし	なし	R4-9ST
29	NC608	43	TS	TS	M	M	TS	TS	なし	なし	R4-6ST
53	NC609	62	TS	TS	TS	TS	TS	TS	なし	なし	R6-1ST
39	NC610	7	M	M	M	M/TS	M	TS	有	なし	R3-12ST NC610~NC628、疎開による休車期間に注意(休車期間は検査復帰にはカウントされない)
22	NC611	8	M	M	M	M	TS	M	有	済/なし	R3-6ST
58	NC612	9	M	TS	M	TS	M	TS	有	なし	R6-3ST
15	NC613	11	M	M	M/TS	M	TS	TS	有	済/なし	R3-4ST+R2-3SS/R6-6ST見込(4/15入)
6	NC614	25	M	M	TS/M	M	M	M	有	なし	R5-11ST
7	NC615	32	M	TS	M	M	TS	M	有	済/なし	R5-9ST
16	NC616	35	TS	M	M	M	M	TS	有	なし	R2-3SS/R6-5ST見込(3/29入)
28	NC617	46	TS	TS	TS	M	M	M	有	なし	R4-8ST
40	NC618	49	M	TS	M	M	TS	M	有	なし	R5-6ST
59	NC619	67	TS	M	M	TS	TS	M/TS	有	なし	R2-8ST 次回検査注意
57	NC620	65	TS	M/TS	M	M	TS	M/TS	有	なし	R2-9ST 次回検査注意
62	NC621	71	TS	TS	TS	TS/M	TS	TS	有	なし	R3-1ST 次回検査注意
63	NC622	80	M	TS	M	M	M	TS	有	なし	R5-7ST
41	NC623	50	M	M/TS	M	TS	M	TS	有	なし	R3-10ST
2	NC624	2	M	TS	TS	TS/M	TS	TS	有	なし	R6-1ST
4	NC625	4	TS	M	TS/M	M	M	M	有	なし	R4-5ST
5	NC626	5	M	M/TS	M	M	M	M	有	なし	R4-9ST
20	NC627	6	M	TS	TS	M	M	M	有	なし	R4-3ST
11	NC628	30	TS	TS	TS/M	M	M	TS	有	なし	R5-7ST ※網干車も確認済です。
50	NC629	59	TS	TS	M	M	M	M	有	なし	R5-1ST AB B14
52	NC630	61	M	M	TS/M	TS/M	TS	M	有	なし	R4-7ST AB B15

モハ221で「済」の場合、4両時代にSIV換装、その後6両化のため(モハ220は対象外)↑

4両	車番	MC	M	T	TC	SIV換装	直近検査(元号とする)
NA401	12	M/TS	M	TS	TS	済	R2-9ST 次回検査注意
NA402	13	TS/M	M	M	M	済	R2-9ST 次回検査注意
NA403	14	M	M	M	TS	済	R2-11ST 次回検査注意
NA404	15	TS	TS	M	M/TS	済	R3-2ST
NA405	16	M	TS	M	M	済	R3-9ST
NA406	17	TS/M	TS	TS	TS	済	R3-9ST
NA407	18	TS	TS	M	M	済	R3-11ST
NA408	19	M	TS/M	M	M	済	R4-3ST
NA409	20	M	M	M	M/TS	済	R4-5ST
NA410	21	M	M	M	M	済	R4-6ST
NA411	22	M/TS	TS	M	M	済	R4-7ST
NA412	23	TS	M	TS	TS	済	R4-10ST
NA413	26	M	M	TS	TS	済	R5-2ST
NA414	27	M	M	M	TS	済	R5-8ST
NA415	29	TS	M	M	M	済	R3-7ST
NA416	34	TS/M	TS	M	M	グリーン硝子	R3-1ST
NA417	44	M	M	TS	M	出場後確認	R2-4ST/R6-5ST(3/28入、5/17出)
NA430	42	TS	M	TS	TS	済	R4-1ST
NA431	54	M	TS	M	TS	済	R2-11ST 次回検査注意
NA432	66	M	TS	TS	TS	済	R3-11ST
NA433	68	M	TS	TS	TS	済	R4-5ST
NA434	72	M	M	TS	TS/M	済	R4-8ST
NA435	81	M	M	TS	TS	済	R5-6ST

中間MT車番	車番	MC'	T'	M'	TC'	SIV換装	直近検査(元号とする)	
47	NA418	0-1	TS	M	TS	TS	なし	R5-9ST
35	NA419	0-2	M	M	M	M	なし	R5-10ST
49	NA420	0-3	TS	TS	TS/M	TS	なし	R6-1ST
36	NA421	0-4	M	M	M	TS	なし	R4-8ST
51	NA422	0-5	M	M	M	M	なし	R6-4ST
19	NA423	0-6	M	M	M	M	なし	R6-3ST 塗油有
34	NA424	0-7	TS	TS	TS	TS	なし	R4-1ST 塗油有
8	NA425	0-8	M	M	M	M	なし	R5-5ST
9	NA426	0-9	M	TS	TS	TS	なし	R4-9ST
56	NA427	0-10	M	M	M	M	なし	R2-7ST 次回検査注意
30	NA428	0-11	M	TS	TS	TS	なし	R4-12ST
23	NA429	0-12	M	M	M	M	なし	R5-1ST

201系	直近検査(元号とする)	状態
ND604	68	R2-12ST 運行中
ND606	78	R3-6ST 運行中
ND607	91	R3-9ST 運行中
ND614	139	R1-8ST 運行中

ND602	66	R2-6ST	王寺区8
ND605	77	R3-1ST	森支
ND615	142	R1-9ST	森支

M 三菱製 TS/M 前位三菱、後位三菱の場合 ※クモハ方を前位、クハ方を後位とする

↑前位・後位とも同じメーカーの場合

※WAU702B形式

※201系は、疎開による休車期間により4年検査復帰後でも、その期限が繰り下げです。 ※時々車両が変わる場合があります。

◆221系空調機器メーカー差異一覧表【京都車】

Table with columns: 車番, MC, M, T, TC, SIV換装, 直近検査(元号とする). Rows include K03, K04, K05, K06, K07, K08, K21, K09, K12 2パンタ, K13 2パンタ, K14 2パンタ, K15 2パンタ, K16 2パンタ, K17, K18.

Table with columns: 中間MT車番, 車番. Rows include 12, 33, 44, 48, 18.

◆223系空調機器メーカー差異一覧表【京都車】

Table with columns: 車番, MC, M, T, M', T', TC, 先頭車幌, SIV換装, 直近検査(元号とする). Rows include F01, F02, F03, F04, F05.

モハ221で「済」の場合、4両時代にSIV換装、その後6両化のため(モハ220は対象外)↓

Table with columns: 旧車番, 車番, MC, T, M, TC', 直近検査(元号とする). Rows include V56, V57, V64, V55, V58.

Table with columns: 車番, MC, M, T, M', T', TC, 直近検査(元号とする). Rows include MA01, MA02, MA03, MA04, MA05, MA06, MA07, MA08, MA09.

Table with columns: 車番, MC, T, M, T', TC', 直近検査(元号とする). Rows include HE419, HE420, HE421, HE424, HE425, HE433, HE434, HE435.

Table with columns: 旧車番, 車番, MC, T, M, T', TC', 直近検査(元号とする). Rows include J13, J14.

M 三菱製 TS 東芝製 H 日立製 223系のみ日立製が存在する。三菱・東芝と異なる形になる。↑前位・後位とも同じメーカーの場合

Table with columns: 編成数, 編成計. Rows include 223-4両, 京都4両.

※223系は、WAU705A,B,C,Dなどと、形式が幾つか存在しますが、形式よりもメーカー差異を重視しています。細かい形式や管理番号は、枕木方向に記入の場合がありますが、当方では全て割愛します。ファンが異なる、冷媒の差異など、同一メーカーでも微妙な差異がある模様です。

注意 十分に確認しましたが、メーカー差異は、当方の認識相違、記入ミス、その後の変化(検査毎・ガス抜け故障による取替)にご注意下さい。今後の反映が追いつかない場合があります。

先頭車の幌は、奈良車では、8両とNC601～NC609は「なし」その他は京都車も含めて「有」となります。

車番で、223系は両先頭車(中間車は省略)、221系はMMユニット4両となります。221系でMTユニットによる車番相違は、別に記入しています。

京都車223系は、221系併合対応により、全て221系性能固定となりますが、2500代は元々の仕様が221系性能です。

SIV換装は、東芝製新機器で、機器が1つしかなく、単独で運転される4両のみ機器更新6両の場合、4両時代にモハ221で機器更新、その後6両化となったため。6.8両と4両で220形式の場合、編成で機器が2つ以上存在により、対象外の模様